

**QUYẾT ĐỊNH**

**Số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung và phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 1424/STC-QLGCS ngày 15 tháng 4 năm 2024; Tờ trình số 1782/STC-QLGCS ngày 19 tháng 5 năm 2024 và ý kiến của Sở Tư pháp tại Công văn số 825/STP-XDKTTr&PBPL ngày 04 tháng 5 năm 2024.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung (chủng loại xe ô tô 1 hoặc 2 cầu, từ 4 đến 16 chỗ ngồi) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum (Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Số lượng xe ô tô ban hành tại Quyết định này là số lượng tối đa và được ổn định trong thời gian 05 năm (từ năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2028). Việc điều chỉnh tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung trong chu kỳ ổn định chỉ áp dụng trong trường hợp có thay đổi về cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị theo quy định.

**Điều 2.** Phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (trừ các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh)

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (trừ các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh) thực hiện quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung theo phương thức quản lý trực tiếp.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Tài chính hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị triển khai thực hiện Quyết định này; kết thúc chu kỳ ổn định, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xác định lại và công bố công khai tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo số biên chế và các tiêu chí khác tại thời điểm xác định lại.

2. Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ban ngành, đơn vị trực thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh(đ/b);
- VP UBND tỉnh: CVP, các PCVP (đ/b);
- Lưu: VT, KTTH.TTL.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Lê Ngọc Tuấn**

**PHỤ LỤC**  
**SỐ LƯỢNG TỐI ĐA SỬ DỤNG XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC**  
**CHUNG (XE Ô TÔ 1 HOẶC 2 CẦU, TỪ 4 ĐẾN 16 CHỖ NGỒI)**  
**CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ THUỘC**  
**PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TỈNH KON TUM**

*(Kèm theo Quyết định số: 296 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

| STT       | Đơn vị                                                                                                                 | Số lượng (xe) |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| <b>I</b>  | <b>Khối Văn phòng cấp tỉnh</b>                                                                                         |               |
| 1         | Văn phòng Tỉnh ủy                                                                                                      | 6             |
| 2         | Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh                                                             | 6             |
| 3         | Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh                                                                                         | 6             |
| <b>II</b> | <b>Các sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh</b> |               |
| 1         | Sở Công thương                                                                                                         | 1             |
| 2         | Sở Giáo dục và Đào tạo                                                                                                 | 2             |
| 3         | Sở Giao thông vận tải                                                                                                  | 2             |
| 4         | Sở Kế hoạch và Đầu tư                                                                                                  | 2             |
| 5         | Sở Khoa học và Công nghệ                                                                                               | 3             |
| 6         | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội                                                                                    | 4             |
| 7         | Sở Ngoại vụ                                                                                                            | 2             |
| 8         | Sở Nội vụ                                                                                                              | 3             |
| 9         | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn                                                                                 | 3             |
| 10        | Sở Tài chính                                                                                                           | 1             |
| 11        | Sở Tài nguyên và Môi trường                                                                                            | 4             |
| 12        | Sở Tư pháp                                                                                                             | 2             |
| 13        | Sở Thông tin và Truyền thông                                                                                           | 1             |
| 14        | Sở Y tế                                                                                                                | 3             |
| 15        | Sở Xây dựng                                                                                                            | 2             |
| 16        | Thanh tra tỉnh                                                                                                         | 2             |
| 17        | Ban Dân tộc tỉnh                                                                                                       | 2             |
| 18        | Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh                                                                                           | 2             |
| 19        | Tỉnh đoàn Kon Tum                                                                                                      | 2             |
| 20        | Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh                                                                                              | 1             |
| 21        | Hội Cựu chiến binh tỉnh                                                                                                | 1             |

|            |                                                                                      |   |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---|
| 22         | Hội Nông dân tỉnh                                                                    | 2 |
| 23         | Ban An toàn giao thông                                                               | 1 |
| <b>III</b> | <b>Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh</b>                      |   |
| 1          | Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh                                                    | 2 |
| 2          | Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh                                                   | 1 |
| 3          | Ban Quản lý vườn Quốc gia Chư Mom Ray                                                | 2 |
| 4          | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 1 |
| 5          | Trường Cao đẳng Kon Tum                                                              | 1 |
| <b>IV</b>  | <b>Khởi huyện</b>                                                                    |   |
| 1          | Thành phố Kon Tum                                                                    | 6 |
| 2          | Huyện Đắk Hà                                                                         | 6 |
| 3          | Huyện Đắk Glei                                                                       | 6 |
| 4          | Huyện Đắk Tô                                                                         | 6 |
| 5          | Huyện Kon Plông                                                                      | 6 |
| 6          | Huyện Kon Rẫy                                                                        | 6 |
| 7          | Huyện Tu Mơ Rông                                                                     | 6 |
| 8          | Huyện Ngọc Hồi                                                                       | 6 |
| 9          | Huyện Ia H'Drai                                                                      | 6 |
| 10         | Huyện Sa Thầy                                                                        | 6 |

**\* Ghi chú:**

- Số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 813/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2024 quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.

- Số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung của Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp tỉnh đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2024 quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp.